



Số: 124/BC-TMDK

TP.HCM, ngày 12 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC) NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “**Báo cáo thường niên năm 2022**” của Petechim như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY (PETECHIM JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 54112323
- Số fax: (84-28) 54112332
- Website: www.petechim.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTV
- Sàn giao dịch: UPCOM
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành Dầu khí non trẻ của Việt Nam.
 - Ngày 05/10/1994, Petechim được chuyển giao và trở thành đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam) với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trở thành một trong những nhà cung cấp hàng đầu vật tư, máy móc, thiết bị và dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
 - Ngày 27/09/2006, Công ty Thương mại Dầu khí được chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
 - Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các

công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim. Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” (tên giao dịch viết tắt là **Petechim Servimex**) trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí và **kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.**

- Theo tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim, được kế thừa thương hiệu Petechim của Tổng công ty Thương mại Dầu khí cũng như toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành Dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2021 và 2022:

| Stt | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm | 4669 |
| 2 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển. Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không. | 5229 |
| 3 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) | 7730 |
| 4 | Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở) | 4610 |
| 5 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí đầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở). | 4661 |

- Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

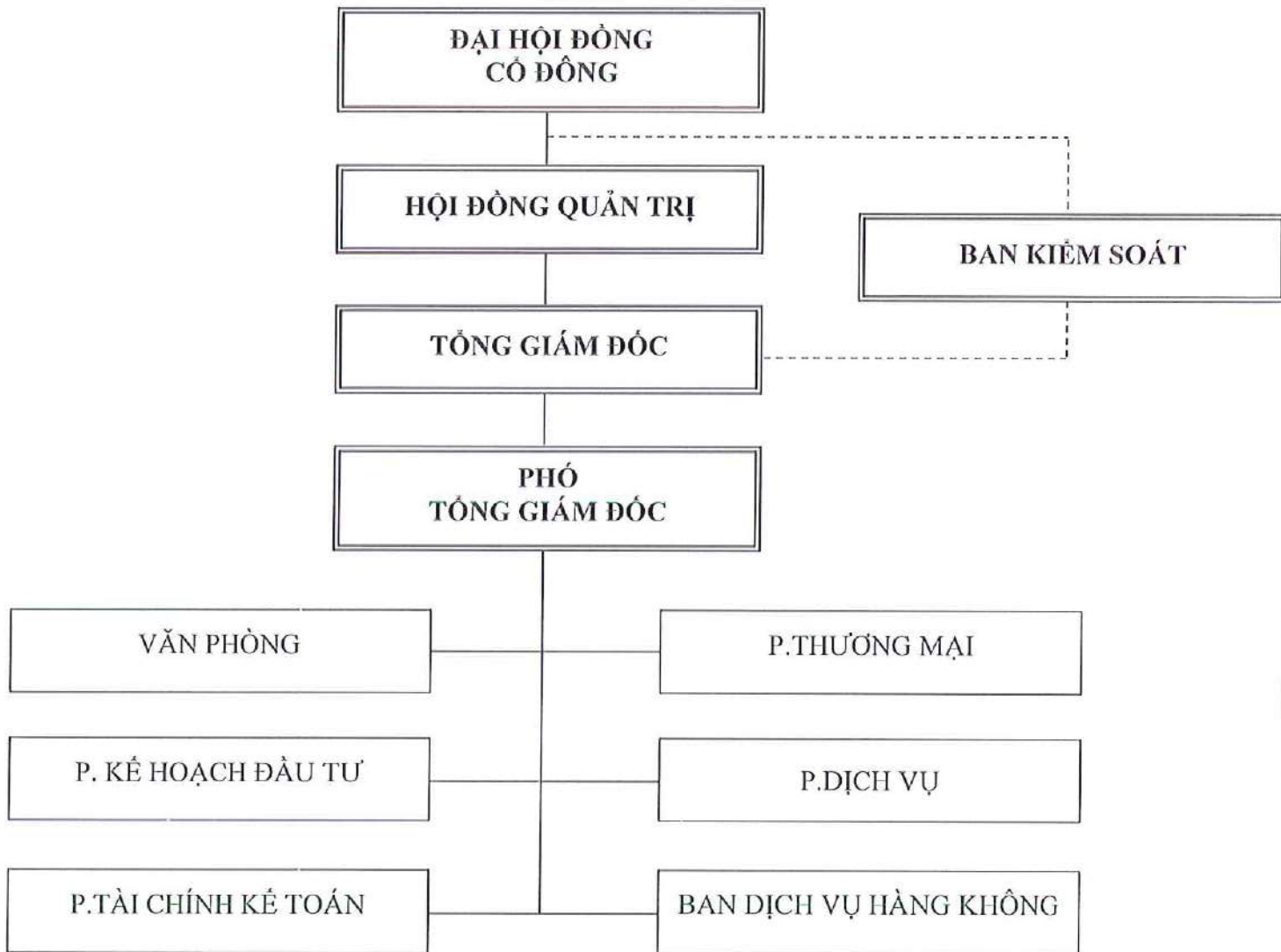
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;

- Tổng Giám đốc điều hành.

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty con:**

- + Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

- **Công ty liên kết:**

- + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)

- + Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)

- + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

4. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty Petechim JSC trong giai đoạn tới là: Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Group với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế và thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng.
- Cú sốc giá nhiên liệu cũng như lạm phát gia tăng làm cho các chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị gián đoạn, tạo ra thách thức to lớn cho các doanh nghiệp.
- Rủi ro về biến động tỷ giá cũng là thách thức lớn do Petechim nhập khẩu bằng ngoại tệ và kinh doanh bằng nội tệ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thuận lợi:
 - Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
 - Sự ủng hộ của các cổ đông lớn như PVOIL, Sovico Group và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng truyền thống trong và ngoài nước.
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ đã mở ra định hướng kinh doanh mới, phù hợp với biến động của thị trường và tạo cơ hội cho những bước đột phá để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.
 - Bộ máy tổ chức đi vào ổn định, công tác tái cấu trúc đã bắt đầu mang lại những chuyển biến tích cực, tập thể lãnh đạo và CBNV đoàn kết, có trình độ, tâm huyết, trách nhiệm.
- Khó khăn:
 - Diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh Nga-Ukraine, tình hình địa chính trị bất ổn, sự biến động khó lường của giá dầu khí và thị trường năng lượng toàn cầu, sự khan hiếm nguồn cung xăng dầu, biến động tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang,... đã tiếp tục tác động mạnh đến các ngành sản xuất.
 - Do gánh nặng chi phí, các hoạt động đầu tư và khai thác còn dè dặt, các dự án đầu tư mới vẫn chậm triển khai, ngân sách mua sắm thường xuyên của các khách hàng truyền thống tiếp tục bị hạn chế tới mức thấp nhất, các lĩnh vực kinh doanh mới chưa phát huy tác dụng nên việc thực hiện công tác thương mại dịch vụ của Petechim để hoàn thành kế hoạch năm 2022 gặp muôn vàn khó khăn và thách thức.
- Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2022 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | % so với KH năm 2022 |
|-----|----------------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Doanh thu BH&CCDV | 350.000.000.000 | 172.667.598.775 | 49,33% |
| 2 | Giá vốn về BH & CCDV | 298.000.000.000 | 143.353.989.094 | 48,11% |
| 3 | Lợi nhuận gộp về BH & CCDV | 52.000.000.000 | 29.313.609.681 | 56,37% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 7.500.000.000 | 3.445.697.599 | 45,94% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 6.600.000.000 | 2.203.445.376 | 33,39% |

(Số liệu tính đến hết 31/12/2022 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2022)

- *Về doanh thu:* Trong năm 2022, Công ty Petechim đạt được 173 tỷ đồng tương đương 49,33% kế hoạch năm 2022 và bằng 70,4% so với cùng kỳ năm trước
- *Về lợi nhuận:* Trong năm 2022, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim lãi 3,4 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:
 - Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 20 – 11 – 1970

Số CCCD: 031170009283 cấp ngày 19 – 8 – 2022 tại Cục CS QLHC về trật tự xã hội.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng Giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963.

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2022: 39 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).
- Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đúng đối tượng;
- Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động tương ứng với vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.
- Người lao động ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp y tế, lao động nữ nghỉ thai sản; ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: không có

- Các công ty con, công ty liên kết: Tính đến hết năm 2022, tổng giá trị đầu tư góp vốn của Công ty Petechim là 45.960,00 triệu đồng.

DVT: Triệu đồng

| Stt | Tên Công ty | Các chỉ tiêu | | | | |
|----------|--|--------------|-------------|----------|-----------|-----------|
| | | Vốn ĐL | Petechim SH | Tỷ lệ SH | DT 2022 | LNST 2022 |
| I | Công ty con | | | | | |
| 1 | Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí | 42.352,90 | 21.960,00 | 51,85% | 74.638,27 | 3.613,64 |

| II | Công ty liên kết | | | | | |
|----|------------------------------------|------------|-----------|-------|--------------|-----------|
| 1 | Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn | 200.000,00 | 11.000,00 | 5,5% | 7.381.460,07 | 6.116,63 |
| 2 | Công ty CP SX & Chế biến DK Phú Mỹ | 500.000,00 | 10.000,00 | 2% | 91.264,67 | 15.904,08 |
| 3 | Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung | 190.400,00 | 3.000,00 | 1,57% | 7.212.518,35 | 483,98 |

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2021 | Tăng/ giảm (%) |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 308.207.786.624 | 326.173.422.322 | -5,51 |
| Doanh thu thuần | 172.667.598.775 | 245.275.867.279 | -29,60 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.624.383.080 | 1.526.871.121 | 6,39 |
| Lợi nhuận khác | 1.821.314.519 | 1.185.739.999 | 53,60 |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.445.697.599 | 2.712.611.120 | 27,03 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.203.445.376 | 1.503.879.028 | 46,52 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | |

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | 2022 | 2021 |
|--|-------|-------|
| Chỉ tiêu khả năng thanh toán | | |
| HS thanh toán nhanh | 3,37 | 3,12 |
| HS thanh toán hiện thời | 3,40 | 3,15 |
| Chỉ tiêu cơ cấu tài chính | | |
| Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản | 25,35 | 29,52 |
| Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH | 33,95 | 41,89 |
| Chỉ tiêu năng lực hoạt động | | |
| Vòng quay khoản phải thu | 1,31 | 1,52 |
| Kỳ thu tiền bình quân | 278 | 241 |
| Số vòng quay hàng tồn kho | 95,00 | 10,93 |
| Số ngày tồn kho | 4 | 33 |
| Khả năng sinh lời | | |
| LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần | 16,98 | 11,84 |
| ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần | 1,28 | 0,61 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần phổ thông: 10.000 đồng/CP.

- Cơ cấu cổ đông:

| Stt | Phân loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|------------|-------------------------------|------------------|-------------------|-------------|
| I | Theo tỷ lệ sở hữu | 3.435 | 20.000.000 | 100% |
| 1 | Cổ đông lớn | 3 | 13.800.000 | 69,00% |
| 2 | Cổ đông nhỏ | 3.432 | 6.200.000 | 31,00% |
| II | Theo tổ chức, cá nhân | 3.435 | 20.000.000 | 100% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 6 | 12.347.310 | 61,74% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 3.429 | 7.652.690 | 38,26% |
| III | Theo trong, ngoài nước | 3.435 | 20.000.000 | 100% |
| 1 | Cổ đông trong nước | 3.433 | 19.955.400 | 99,78% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 2 | 44.600 | 0,22% |
| IV | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0% |
| | TỔNG CỘNG | 3.435 | 20.000.000 | 100% |

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 20/03/2023 do VSD cập

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng với mức sử dụng không đáng kể.
- Tiêu thụ nước: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ đầy đủ luật pháp và các quy định về môi trường, không xảy ra bất cứ vụ việc vi phạm nào. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Chính sách liên quan đến người lao động
 - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động là 39 người; mức lương trung bình là 12 triệu đồng/người/tháng.
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018
 - Hoạt động đào tạo người lao động: Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2022, việc triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn trong điều kiện còn nhiều hạn chế về nguồn lực, số lượng và quy mô đơn hàng giảm mạnh khiến biên lợi nhuận của các HĐ thương mại ngày càng bị thu hẹp.
- Tuy kết quả đạt được còn hạn chế, song với tinh thần đoàn kết, tập trung quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn kiên trì bám sát đối tác/khách hàng, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh và nỗ lực hết sức để vượt khó.
- Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn và không ngừng nỗ lực tham gia đấu thầu để tìm cơ hội ký được HĐ và tích lũy thu nhập qua từng đơn hàng. Đồng thời triển khai dịch vụ tư vấn bán hàng và phân phối sản phẩm thiết bị tiết kiệm điện FORCE để tìm cơ hội mở rộng kinh doanh và tăng thêm thu nhập.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tăng trưởng:
 - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty đạt 46,52% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng chủ yếu từ lợi nhuận khác, trong đó lợi nhuận khác tăng 53,60% so với cùng kỳ.

- Quy mô tổng tài sản giảm nhẹ 5,51% so với cùng kì, chỉ tiêu các khoản phải thu giảm 14,56% so với cùng kì.
- Tình hình thanh khoản:
Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty là 3,40 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 3,37. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh).
- Năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân cao hơn và số ngày tồn kho thấp hơn so với cùng kì. Cụ thể:
 - Số ngày phải thu đang ở mức 278 ngày tăng 37 ngày so với năm 2021 và Công ty đang điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp cho từng đối tác nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.
- Chỉ tiêu số ngày tồn kho giảm nhiều, giảm 27 ngày so với cùng kỳ, tồn kho ít hơn thì doanh nghiệp có thêm một nguồn vốn để đầu tư vào những việc khác, chẳng hạn như nâng cấp cơ sở vật chất; xây dựng phần mềm quản lý..
- Khả năng sinh lời: Lợi nhuận gộp biên năm 2022 tăng nhẹ gần 1,00% so với năm 2021. Tỷ trọng giá vốn/doanh thu giảm không đáng kể từ 0,88% xuống còn 0,83%.
- Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2022 giảm 7,08%, tỷ lệ chi phí/doanh thu giảm 0,75% so với cùng kì. Trong năm 2022, Công ty vẫn duy trì chủ trương “thắt lưng, buộc bụng”, đẩy mạnh tiết kiệm và tiết giảm chi phí.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn SKNN và Môi trường. Tiếp tục duy trì mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra *“Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường”*.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Mục tiêu chiến lược: Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận / lợi ích tạo ra cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động.
- Định hướng phát triển:
 - Tiếp tục bám sát, gắn hoạt động của Petechim với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, đồng thời đa dạng hoá kinh doanh và các loại hình dịch vụ, từng bước xây dựng hoạt động lâu dài / cốt lõi tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
 - Đóng vai trò cầu nối quan trọng của Tập đoàn Sovico trong lĩnh vực dầu khí - năng lượng - logistics để tận dụng các cơ hội kinh doanh trong hệ sinh thái chung của Tập đoàn.
- Đối với hoạt động SXKD:
 - **Lĩnh vực Thương mại đầu thầu:**
 - + Duy trì hoạt động và giữ vững thị trường Dầu khí truyền thống với các đối tác lớn.
 - + Tăng cường bám sát để nắm bắt nhu cầu và tìm cơ hội cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng - sửa chữa trong các nhà máy khí - điện - đạm.

- + Mở rộng hoạt động thương mại và cung ứng dịch vụ ra thị trường mới ngoài ngành dầu khí, nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- **Lĩnh vực Dịch vụ:**
- + Khôi phục lại các hoạt động dịch vụ dầu khí truyền thống của Petechim và phát triển các dịch vụ khác như cung ứng nhiên liệu, dịch vụ hàng hải, đại lý tàu,...
- + Phát triển các dịch vụ logistics mới: Tìm kiếm khả năng phục hồi lại dịch vụ hàng không, tận dụng quan hệ hợp tác với SNP (Tân Cảng) để phát triển dịch vụ logistics đường biển.
- + Cung cấp dịch vụ nhỏ/lẻ cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đặc biệt các dự án NLTT.
- + Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận năng lượng của Tập đoàn Sovico để cung cấp dịch vụ cho dự án năng lượng tái tạo mà Tập đoàn và các đối tác cùng đầu tư.
- + Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia tích cực và hiệu quả với vai trò tư vấn, quản lý dự án, cung cấp nhân sự và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng cho các dự án liên quan đến CNTT, chuyển đổi số và công nghệ 4.0 trên phạm vi cả nước.
- **Lĩnh vực Đầu tư:**
- + Thực hiện rà soát danh mục đầu tư vào các công ty liên kết, thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư/thoái vốn để tập trung vốn cho SXKD và đầu tư cho các dự án khả thi trong lĩnh vực dịch vụ, logistics.
- + Xem xét hướng tới hợp tác đầu tư phù hợp với năng lực trong lĩnh vực logistics & Năng lượng tái tạo với các đối tác có hợp tác toàn diện/chiến lược với Sovico Group và PVOil để tạo lập tài sản và nhằm tạo kết nối, cũng như tạo thị trường để cung cấp dịch vụ.
- **Lĩnh vực marketing và phát triển thị trường:**
- + Kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu và lợi nhuận.
- + Có giải pháp tận dụng giá trị thương hiệu Petechim để liên doanh, liên kết và hợp tác KD với các đối tác trong/ngoài ngành Dầu khí.
- + Tổ chức thực hiện và triển khai mạnh mẽ các HĐ đã ký với ENPOSSS, Vinacom, đồng thời đẩy mạnh dịch vụ tư vấn bán hàng và làm đại lý phân phối sản phẩm cho các NSX, đặt mục tiêu ký được HĐ cung cấp thiết bị FORCE với các khách hàng chiến lược như Viettel, FPT, Mobphone, Vietsovetro,...
- Đối với công tác điều hành:
 - **Hoạt động tài chính:**
 - + Quản lý sát sao, tiết kiệm chi phí, có biện pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
 - + Quyết liệt để giải quyết dứt điểm tồn đọng và nợ xấu, thu hồi vốn và lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty.
 - + Chú trọng công tác quản lý dự án để thanh quyết toán HĐ đúng hạn và bảo toàn hiệu quả kinh doanh, tránh phát sinh tồn đọng hoặc công nợ mới.
 - **Hoạt động quản trị:**
 - + Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, củng cố đội ngũ nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả.
 - + Củng cố đội ngũ nhân sự hiện có, gắn quyền lợi, trách nhiệm của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục phát huy mô hình Task Force để phát huy nội lực, đồng thời tăng cường sử dụng mạng lưới cộng tác viên từ bên ngoài, cũng như sử dụng nguồn lực outsourcing cho các dự án đòi hỏi các kiến thức và kinh nghiệm về

chuyên môn cao như IT, Điện... để sử dụng phát huy được nguồn lực từ bên ngoài trong bối cảnh các nguồn lực bên trong và năng lực cạnh tranh hạn chế hiện nay của Petechim.

- + Tập trung đầu tư cho việc thu hút, bổ sung, xây dựng lại đội ngũ nhân sự, khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự do khủng hoảng hậu Covid -19 đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn mới.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Chi tiết xin xem các công văn số 87/TMDK-TCKT ngày 28/3/2023 của Công ty Petechim gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của Công ty:*

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định cũng như tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

IV. **ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

- Trong năm 2022, Công ty Petechim nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Group, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, các nhà máy lọc dầu, đạm và nhà máy điện trong ngành dầu khí.
- Năm 2022 Petechim tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn khi hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty phải đối mặt với các khó khăn, thách thức:
 - Nền kinh tế Việt nam trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, tăng trưởng GDP đạt trên 8,0%, tạo tiền đề để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025. Tuy vậy, những diễn biến mới của căng thẳng địa chính trị thế giới, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, cùng với đó là các biến động của giá dầu khí, thị trường năng lượng, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang, cũng như khó khăn trên thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... đã tác động mạnh đến các hoạt động sản xuất, đầu tư và doanh nghiệp như Petechim
 - Năng lực cạnh tranh của Petechim hạn chế về cả nguồn lực con người, cơ sở vật chất lẫn tiềm lực về tài chính. Tỷ lệ đầu thầu thành công đã được cải thiện so với năm 2021 song vẫn thấp, chủ yếu do giá không cạnh tranh, các hợp đồng ghi nhận doanh thu trong kỳ có giá trị và lợi nhuận không cao.
 - Cạnh tranh khốc liệt trên thị trường dịch vụ và thương mại nói chung, dầu khí nói riêng.
- Trước thực tiễn nêu trên, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:
 - Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các

khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được hợp đồng/ dự án.

- Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác, đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
- Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông lớn.
- Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD, có các phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C,...
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
- Quản lý chặt chẽ dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho các HĐ/DA.
- Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng để giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu và nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

HDQT đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

- Về hoạt động quản trị Công ty: Trong năm 2022, Ban điều hành Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:
 - Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HDQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn Công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
 - Tổng Giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HDQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
 - Thực hiện chủ trương của HDQT, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản trị Công ty được sâu sát, hiệu quả;
 - Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HDQT, BKS và Thư ký HDQT năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
 - Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Về hoạt động kinh doanh:
 - Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ xác định và các Nghị quyết của HDQT/ĐHĐCĐ, đã bám sát được khách hàng/đối tác của ngành Dầu khí và của Sovico Group. Việc phát triển thị trường và các hoạt động kinh doanh mới, cũng như xúc tiến xây dựng các quan hệ hợp tác, liên doanh/liên kết...; đã ghi nhận những tiến triển tích cực. Cung cách và không khí làm việc của Công ty đã được cải thiện theo hướng năng động & trách nhiệm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- **Mục tiêu chiến lược:** Nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả hoạt động và việc tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, người lao động làm mục tiêu hoạt động.
- **Định hướng chiến lược:** Tiếp tục tập trung vào 02 lĩnh vực chính gồm: thương mại và dịch vụ, đồng thời tăng cường mở rộng lĩnh vực dịch vụ, logistics, duy trì thị trường truyền thống và mở rộng thị trường sang các lĩnh vực mới, phục vụ cho các hoạt động của ngành dầu khí, Khí - Điện - Đạm trong lĩnh vực năng lượng và các hoạt động trong hệ sinh thái của Tập đoàn Sovico với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.

- **Các nhiệm vụ cụ thể:**

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính tạm tính từ cuối năm 2022. Mặc dù còn tiềm ẩn các thách thức như lạm phát, suy thoái kinh tế ở 1 số quốc gia/khu vực, song dự báo có sự phục hồi kinh tế của Đất nước và toàn cầu trong 2023, cùng với xu hướng thúc đẩy thích ứng, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia trên Thế giới hiện nay, đang vừa là thời cơ, vừa là thách thức, nhất là đối với 2 mảng kinh doanh cốt lõi của Petechim là thương mại dầu khí, điện và dịch vụ hàng không nên các chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường và thực tế kinh doanh của công ty, sau đó sẽ được quyết định tại ĐHĐCĐ thường niên dự kiến tổ chức vào tháng 4/2023.

Dự kiến kế hoạch SXKD của Petechim; kế hoạch hợp nhất năm 2023:

DVT: VND

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch riêng Petechim | Kế hoạch hợp nhất |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu BH & | 200.000.000.000 | 285.000.000.000 |
| 2 | Giá vốn | 183.500.000.000 | 248.500.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 16.500.000.000 | 36.500.000.000 |
| 4 | Tổng chi phí | 15.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 1.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 1.500.000.000 | 5.500.000.000 |

- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các định hướng kinh doanh:
 - + Tập trung hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim.
 - + Quyết liệt trong tiếp thị, đấu thầu các hợp đồng/dự án mới đối với thị trường, khách hàng truyền thống; đồng thời mở rộng thị trường, đa dạng hóa kinh doanh, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để có nhiều hợp đồng tạo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và cho phát triển lâu dài.
 - + Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông lớn.
- Đảm bảo nguồn vốn & tín dụng cho hoạt động SXKD, tăng cường quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|--------------------|---------|--------------------|-------|
| 1 | Ông Trần Đức Chính | CT HĐQT | 4,620,000 | 23,1% |
| 2 | Ông Trần Hoài Nam | TV HĐQT | 0 | 0% |
| 3 | Ông Đỗ Quang Thuận | TV HĐQT | 0 | 0% |
| 4 | Ông Võ Khánh Hưng | TV HĐQT | 5,800,000 | 29% |

1.2. Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2022

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Thời gian làm việc | Lý do |
|-----|-------------------------|---------|----------------------|--|
| 1 | Bà Trần Mộng Thùy Trang | TV BKS | 23/4/2022 | Tham gia BKS theo Nghị quyết số 23/NQ-TMDK ngày 23/4/2022 |
| 2 | Ông Nguyễn Việt Đức | TV BKS | 24/4/2021-30/11/2021 | Quyết định số 27/QĐ-TMDK ngày 01/12/2021 về việc chấm dứt HĐLĐ đối với Ông Nguyễn Việt Đức |

1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trần Đức Chính | 6/6 | 100% | |
| 2 | Ông Trần Hoài Nam | 6/6 | 100% | |
| 3 | Ông Đỗ Quang Thuận | 6/6 | 100% | |
| 4 | Ông Võ Khánh Hưng | 6/6 | 100% | |

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Ban hành 6 Nghị quyết và 2 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty vào ngày 23/4/2022 tại trụ sở chính của Công ty.

- Tổng giám đốc Công ty đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại ngân hàng PVComBank nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong năm 2022 của Công ty.
- Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh Quy chế tài chính, Quy chế lương thưởng để công tác quản lý Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn.
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

| Stt | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|--------------------------|------------|--------------------|-------|
| 1 | Bà Đoàn Thu Hương | Trưởng BKS | 0 | 0% |
| 2 | Ông Huỳnh Minh Triết | TV BKS | 0 | 0% |
| 3 | Bà Trần Mộng Thùy Trang | TV BKS | 0 | 0% |

2.2. Hoạt động Ban kiểm soát

2.2.1. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ /tham dự /họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------------|---------------------|---------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Đoàn Thu Hương | 3/3 | 100% | 100% | |
| 2 | Ông Huỳnh Minh Triết | 3/3 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Trần Mộng Thùy Trang | 3/3 | 100% | 100% | |

2.2.2. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ đúng quy định trong Điều lệ Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất kiến nghị và giải pháp phù hợp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đối với báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của Công ty Petechim:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2022” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT, NTKN (03b)

Đính kèm:

- Phụ lục số 01;
- BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số *44/BC-TMDK*, ngày *12/4/2023*)

| STT | Hình thức đầu tư | Công ty | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|---|---|----------------------------|--------------|
| 1 | Công ty con | <p>CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC) (Tầng 14 khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội)</p> | <p>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt hệ thống điện. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện. Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera). Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thăm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thăm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau</p> | 21,960,000,000 | 51.85% |

| STT | Hình thức đầu tư | Công ty | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|---|---|----------------------------|--------------|
| | | | <p>thâm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p> | | |
| 2 | Công ty liên kết | <p>CÔNG TY CP XĂNG DẦU ĐÀU KHÍ SÀI GÒN (PVOil Sài Gòn) (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)</p> | <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải</p> | 11,000,000,000 | 5.50% |

| STT | Hình thức đầu tư | Công ty | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|---|---|----------------------------|--------------|
| | | | hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả. | | |
| 3 | Công ty liên kết | CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PVOil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT) | Bán buôn/bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ. | 10,000,000,000 | 2.00% |
| 4 | Công ty liên kết | CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVOil Miền Trung) (Địa chỉ: Số 197 CMT8, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng) | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn | 3,000,000,000 | 1.57% |

| STT | Hình thức đầu tư | Công ty | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp (VND) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|---------|--|----------------------------|--------------|
| | | | chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cảm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn). | | |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Đỗ Thị Bích Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 13 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Trần Đức Chính | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018 |
| Ông Đỗ Quang Thuận | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Hoài Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Võ Khánh Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Đoàn Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Huỳnh Minh Triết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Trần Mộng Thùy Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Việt Đức | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Bà Đỗ Thị Bích Hà | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Trần Mạnh Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0694/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 27.245.000.000 VND đã quá hạn (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất). Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 221.757.985.204 | 248.635.240.650 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 32.458.809.652 | 57.766.200.238 |
| 1. Tiền | 111 | | 17.519.594.624 | 16.615.250.577 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 14.939.215.028 | 41.150.949.661 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 66.492.325.347 | 46.818.857.603 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 66.492.325.347 | 46.818.857.603 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 121.132.876.205 | 141.701.294.160 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 111.600.098.169 | 136.842.374.768 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 19.797.318.469 | 15.214.576.255 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 3.465.255.306 | 3.483.406.724 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (13.729.795.739) | (13.839.063.587) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.199.760.587 | 1.818.152.548 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.199.760.587 | 1.818.152.548 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 474.213.413 | 530.736.101 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 427.296.602 | 197.785.936 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 270.501.849 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 46.916.811 | 62.448.316 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 86.449.801.420 | 77.538.181.672 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 45.000.000 | 66.174.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 45.000.000 | 66.174.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 45.552.292.055 | 49.286.015.770 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 45.552.292.055 | 47.219.031.569 |
| - Nguyên giá | 222 | | 67.614.931.644 | 68.925.627.190 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (22.062.639.589) | (21.706.595.621) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | - | 2.066.984.201 |
| - Nguyên giá | 228 | | 154.472.660 | 2.613.135.660 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (154.472.660) | (546.151.459) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 38.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 14.000.000.000 | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.852.509.365 | 4.185.991.902 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 2.267.982.016 | 3.401.055.175 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.11 | 584.527.349 | 784.936.727 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 308.207.786.624 | 326.173.422.322 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 78.121.676.093 | 96.290.380.904 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 65.295.863.793 | 78.900.050.804 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a, c | 35.267.252.259 | 55.735.658.024 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 6.727.692.212 | 2.343.479.814 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 1.787.024.347 | 1.011.775.710 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.434.430.706 | 3.774.647.044 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 5.510.979.356 | 4.377.232.293 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 82.723.334 | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 12.215.402.329 | 11.392.690.432 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 270.359.250 | 264.567.487 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b, c | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 230.086.110.531 | 229.883.041.418 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 230.086.110.531 | 229.883.041.418 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.18a,b,c | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.18a | 35.044.156.277 | 35.044.156.277 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.18a | (28.074.848.380) | (28.364.723.745) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (28.556.021.345) | (28.364.723.745) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 481.172.965 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.18a | 23.116.802.634 | 23.203.608.886 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 308.207.786.624 | 326.173.422.322 |



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 173.711.991.793 | 245.275.867.279 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 1.044.393.018 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 172.667.598.775 | 245.275.867.279 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 143.353.989.094 | 216.240.938.841 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 29.313.609.681 | 29.034.928.438 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.432.768.529 | 7.198.163.566 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 888.503.246 | 1.091.168.715 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 5.541.396.762 | 9.818.473.765 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 25.692.095.122 | 23.796.578.403 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.624.383.080 | 1.526.871.121 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.978.563.319 | 3.227.271.056 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 157.248.800 | 2.041.531.057 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.821.314.519 | 1.185.739.999 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.445.697.599 | 2.712.611.120 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 1.242.252.223 | 1.208.732.092 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>2.203.445.376</u> | <u>1.503.879.028</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 481.172.965 | (272.587.598) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 1.722.272.411 | 1.776.466.626 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a,b | <u>24</u> | <u>(14)</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a,b | <u>24</u> | <u>(14)</u> |


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.445.697.599 | 2.712.611.120 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, 10, 11 | 2.078.297.344 | 2.013.171.066 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | (109.267.848) | 581.239.095 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 1.210.038 | 2.704.978 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, 8 | (6.170.582.390) | (6.365.262.169) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (754.645.257) | (1.055.535.910) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 6.811.932.565 | 36.592.200.776 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 618.391.961 | (2.095.278.235) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (19.184.801.006) | (50.481.702.955) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 903.562.493 | (554.373.239) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (637.609.613) | (1.083.562.433) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.17 | (363.152.500) | (244.175.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (12.606.321.357) | (18.922.426.996) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9 | (200.790.000) | (952.784.932) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 3.799.090.909 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (71.412.945.582) | (17.345.355.888) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 51.775.830.338 | 16.312.789.041 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 13.047.210.770 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 4.567.599.232 | 3.437.594.399 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (11.471.215.103) | 14.499.453.390 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền (đồng) | |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.16, 18a | (1.228.860.111) | (628.735.872) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u>(1.228.860.111)</u> | <u>(628.735.872)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (25.306.396.571) | (5.051.709.478) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 57.766.200.238 | 62.827.678.380 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (994.015) | (9.768.664) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>32.458.809.652</u> | <u>57.766.200.238</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (là công ty con) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con có trụ sở tại Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đối với công ty con không đổi từ năm trước đến năm nay là 51,85%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 110 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 116 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí, các kho xăng dầu và các dự án cung cấp thiết bị viễn thông chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 46 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 04 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lộ đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Tập đoàn chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 456.767.506 | 460.048.172 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 17.062.827.118 | 16.155.202.405 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾ | 14.939.215.028 | 41.150.949.661 |
| Cộng | 32.458.809.652 | 57.766.200.238 |

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,65%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 14.157.248.477 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,65%/năm đến 11,3%/năm (lãi suất năm trước từ 3,1% - 6,75%/năm).

Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 32.592.325.347 VND (số đầu năm là 37.518.857.603 VND) đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền là 1.900.000.000 VND (số đầu năm là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|------------|
| Trái phiếu ⁽ⁱ⁾ | 10.000.000.000 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng | 4.000.000.000 | - |
| Cộng | 14.000.000.000 | - |

- (i) Trái phiếu mã HDBL2229013 do Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2029.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 11.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|----------------------------|---|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ | 5,50% | 5,50% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan | 2,00% | 2,00% |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung | Tỉnh Quảng Ngãi | Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan | 1,58% | 1,58% |

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾ | 27.245.000.000 | 33.245.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam | 27.187.278.531 | 27.387.278.531 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM ⁽ⁱⁱ⁾ | 20.030.664.075 | 20.030.664.075 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | 20.030.129.740 | 14.191.211.600 |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | - | 826.927.766 |
| Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam | 8.346.069.412 | 2.828.015.387 |
| Liên doanh Việt Nga Vietsovetro | 931.644.488 | 931.644.488 |
| Công ty TNHH truyền hình cáp Saigontourist | - | 6.535.017.720 |
| Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò khai thác Dầu khí | 97.680.000 | 5.337.142.199 |
| Trung tâm Hỗ trợ phát triển Công nghiệp | - | 14.836.352.500 |
| Các khách hàng khác | 7.731.631.923 | 10.693.120.502 |
| Cộng | 111.600.098.169 | 136.842.374.768 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty mẹ đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Tập đoàn thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến ngày kết thúc năm tài chính Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết.
- (ii) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM đã quá hạn. Theo Biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM và Công ty, khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được và sẽ trả lại hàng cho Công ty. Số hàng hóa này sẽ được trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech (là đơn vị cung cấp số hàng hóa này cho Công ty để bán cho Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM) (xem thuyết minh số V.12a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Hưng Yên | 7.773.056.067 | 7.773.056.067 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA | - | 818.099.728 |
| Công ty TNHH Năng lượng NMT | 3.963.413.344 | 3.963.413.344 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư FPS Việt Nam | 5.114.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 2.946.849.058 | 2.660.007.116 |
| Cộng | 19.797.318.469 | 15.214.576.255 |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời | 1.646.068.395 | 1.646.068.395 | 1.646.068.395 | 1.646.068.395 |
| Tạm ứng | 403.327.949 | - | 199.067.039 | - |
| Các khoản ký quỹ | 58.074.000 | - | 418.535.509 | - |
| Lãi dự thu | 1.080.253.779 | - | 1.219.735.781 | - |
| Phải thu khác | 277.531.183 | - | - | - |
| Cộng | 3.465.255.306 | 1.646.068.395 | 3.483.406.724 | 1.646.068.395 |

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|-------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Schlumberger Seaco Inc. | Trên 3 năm | 19.402.858 | - | Trên 3 năm | 19.402.858 | - |
| Swiber Offshore Construction Pte. Ltd. | Trên 3 năm | 101.541.625 | - | Trên 3 năm | 101.541.625 | - |
| DNTN Cà phê Minh Tiến | Trên 3 năm | 562.006.000 | - | Trên 3 năm | 562.006.000 | - |
| Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam | Trên 3 năm | 52.395.750 | - | Trên 3 năm | 52.395.750 | - |
| Công ty TNHH Hưng Yên | Trên 3 năm | 7.773.056.067 | - | Trên 3 năm | 7.773.056.067 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Liên doanh Việt Nga | Trên 3 năm | 27.245.000.000 | 27.245.000.000 | Trên 3 năm | 33.245.000.000 | 33.245.000.000 |
| Vietsovetro | Trên 3 năm | 920.168.311 | - | Trên 3 năm | 920.168.311 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) | Trên 3 năm | 453.411.766 | - | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 453.411.766 | 453.411.766 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.818.189.635 | 1.818.189.635 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.818.189.635 | 1.818.189.635 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 25.369.088.896 | 25.369.088.896 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 25.569.088.896 | 25.569.088.896 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 20.030.664.075 | 20.030.664.075 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 20.030.664.075 | 20.030.664.075 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC | Trên 3 năm | 1.864.410.133 | - | Trên 3 năm | 1.864.410.133 | - |
| Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam | Trên 3 năm | 790.746.600 | - | Trên 3 năm | 790.746.600 | - |
| Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Trên 3 năm | 1.646.068.395 | - | Trên 3 năm | 1.646.068.395 | - |
| Cộng | | - | - | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 156.096.926 | 46.829.078 |
| | | 88.192.738.345 | 74.462.942.606 | | 95.002.247.037 | 81.163.183.450 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 13.839.063.587 | 13.257.824.492 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng | (109.267.848) | 581.239.095 |
| Số cuối năm | 13.729.795.739 | 13.839.063.587 |

7. Hàng tồn kho

Chi phí dở dang của các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí thuê đất, văn phòng | 37.971.135 | 37.971.136 |
| Chi phí bảo hiểm | 73.144.200 | 76.234.800 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 12.587.497 | - |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 303.593.770 | 83.580.000 |
| Cộng | 427.296.602 | 197.785.936 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê đất, văn phòng | 57.242.809 | 89.053.201 |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 1.713.830.377 | 2.833.723.897 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 5.163.638 | 15.209.993 |
| Chi phí khác | 491.745.192 | 463.068.084 |
| Cộng | 2.267.982.016 | 3.401.055.175 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Máy móc, thiết bị | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 57.750.758.355 | 3.250.153.638 | 3.589.247.853 | 4.335.467.344 | 68.925.627.190 |
| Mua trong năm | - | - | 54.900.000 | 145.890.000 | 200.790.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (985.935.455) | - | - | (985.935.455) |
| Xử lý tài sản hư hỏng | - | - | (240.929.326) | (284.620.765) | (525.550.091) |
| Số cuối năm | 57.750.758.355 | 2.264.218.183 | 3.403.218.527 | 4.196.736.579 | 67.614.931.644 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.795.591.151 | 2.264.218.183 | 2.067.303.659 | 3.982.133.513 | 10.109.246.506 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 12.024.991.165 | 3.250.153.638 | 2.220.812.301 | 4.210.638.517 | 21.706.595.621 |
| Khấu hao trong năm | 1.400.687.016 | - | 402.685.898 | 64.156.600 | 1.867.529.514 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (985.935.455) | - | - | (985.935.455) |
| Xử lý tài sản hư hỏng | - | - | (240.929.326) | (284.620.765) | (525.550.091) |
| Số cuối năm | 13.425.678.181 | 2.264.218.183 | 2.382.568.873 | 3.990.174.352 | 22.062.639.589 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 45.725.767.190 | - | 1.368.435.552 | 124.828.827 | 47.219.031.569 |
| Số cuối năm | 44.325.080.174 | - | 1.020.649.654 | 206.562.227 | 45.552.292.055 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 2.180.000.000 | 433.135.660 | 2.613.135.660 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.180.000.000) | - | (2.180.000.000) |
| Xử lý tài sản hư hỏng | - | (278.663.000) | (278.663.000) |
| Số cuối năm | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 113.015.799 | 433.135.660 | 546.151.459 |
| Khấu hao trong năm | 10.358.452 | - | 10.358.452 |
| Thanh lý, nhượng bán | (123.374.251) | - | (123.374.251) |
| Xử lý tài sản hư hỏng | - | (278.663.000) | (278.663.000) |
| Số cuối năm | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.066.984.201 | - | 2.066.984.201 |
| Số cuối năm | - | - | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Nguyên giá

Số đầu năm

2.004.093.775

Số cuối năm

2.004.093.775

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Số đã phân bổ

Số đầu năm

1.219.157.048

Phân bổ trong năm

200.409.378

Số cuối năm

1.419.566.426

Giá trị còn lại

Số đầu năm

784.936.727

Số cuối năm

584.527.349

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

-

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG | 705.232.000 | 5.927.774.600 |
| Công ty Cổ phần Giáp pháp Thiên Hoàng | - | 4.625.000.000 |
| Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam | - | 6.439.759.364 |
| Công ty TNHH UPVIET | - | 10.086.102.500 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương | - | 3.430.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech ⁽ⁱ⁾ | 12.918.944.736 | 12.918.944.736 |
| Công ty Cổ phần Giáp pháp doanh nghiệp Ebig Việt Nam | 2.789.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năm Sao | 1.049.500.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 12.007.298.823 | 8.443.559.024 |
| Cộng | 35.267.252.259 | 55.735.658.024 |

- ⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được sẽ trả lại hàng cho Công ty (xem thuyết minh số V.3). Theo đó, sau khi việc trả hàng được hoàn tất Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech còn cam kết trả lại số tiền 6.730.225.569 VND mà Công ty đã ứng cùng số tiền 219.045.445 VND mà Công ty đã thanh toán thừa cho các hợp đồng này.

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| Cộng | 18.622.589.000 | 21.254.847.900 |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam | 6.067.502 | 1.839.991.147 |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn | 1.300.754.710 | - |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng | 5.127.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 293.870.000 | 503.488.667 |
| Cộng | 6.727.692.212 | 2.343.479.814 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 61.019.826 | 61.277.143 | 4.451.625.830 | (3.977.956.013) | 520.329.311 | 46.916.811 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 729.147.048 | (729.147.048) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 499.095.034 | - | 1.242.252.223 | (637.609.613) | 1.103.737.644 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 451.660.850 | - | 791.834.444 | (1.080.537.902) | 162.957.392 | - |
| Các loại thuế khác | - | 1.171.173 | 20.117.288 | (18.946.115) | 103.138 | - |
| Cộng | 1.011.775.710 | 62.448.316 | 7.234.976.833 | (6.444.196.691) | 1.787.024.347 | 46.916.811 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | | |
|--------------------------------|---|-----|
| - Dịch vụ cước vận tải quốc tế | : | 0% |
| - Bán hàng hóa và dịch vụ khác | : | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí | 288.674.850 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí | 953.577.373 | 1.208.732.092 |
| Cộng | 1.242.252.223 | 1.208.732.092 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế tại Công ty mẹ qua các năm như sau:

| | |
|-------------|-----------------------|
| Năm 2018 | 31.233.835.946 |
| Năm 2020 | 1.830.306.120 |
| Năm 2021 | 351.473.849 |
| Năm 2022 | 2.190.922.024 |
| Cộng | 35.606.537.939 |

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10 | 379.836.480 | 379.836.480 |
| Chi phí dự án PVEP | - | 174.296.000 |
| Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019) | 1.546.894.800 | 1.546.594.800 |
| Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2020) | 613.300.639 | 613.300.639 |
| Chi phí giá vốn dự án HD07/NT2.TM | 1.653.506.905 | 186.399.360 |
| Chi phí phải trả khác | 1.317.440.532 | 1.476.805.014 |
| Cộng | 5.510.979.356 | 4.377.232.293 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm | 4.512.383.605 | 3.655.491.279 |
| Kinh phí công đoàn | 272.218.486 | 287.049.023 |
| Bảo hiểm xã hội | 58.948.272 | 21.296.541 |
| Cổ tức phải trả | 6.846.535.717 | 6.443.963.828 |
| Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa | 450.000.000 | 650.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 75.316.249 | 334.889.761 |
| Cộng | 12.215.402.329 | 11.392.690.432 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | |
|----------------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 264.567.487 |
| Trích bổ sung từ lợi nhuận | 368.944.263 |
| Chi quỹ trong năm | (363.152.500) |
| Số cuối năm | 270.359.250 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 200.000.000.000 | 35.799.901.087 | (24.366.011.883) | 32.461.626.551 | 243.895.515.755 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | (272.587.598) | 1.776.466.626 | 1.503.879.028 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước | - | - | (175.767.853) | (163.225.114) | (338.992.967) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | (1.223.574.000) | (1.223.574.000) |
| Thoái vốn tại công ty con | - | (755.744.810) | 914.276.564 | (9.647.685.177) | (9.489.153.423) |
| Điều chỉnh khác | - | - | (4.464.632.975) | - | (4.464.632.975) |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 35.044.156.277 | (28.364.723.745) | 23.203.608.886 | 229.883.041.418 |
| Số đầu năm nay | 200.000.000.000 | 35.044.156.277 | (28.364.723.745) | 23.203.608.886 | 229.883.041.418 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 481.172.965 | 1.722.272.411 | 2.203.445.376 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay | - | - | (191.297.600) | (177.646.663) | (368.944.263) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | (1.631.432.000) | (1.631.432.000) |
| Số dư cuối năm nay | 200.000.000.000 | 35.044.156.277 | (28.074.848.380) | 23.116.802.634 | 230.086.110.531 |

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | 58.000.000.000 | 29,0 | 58.000.000.000 | 29,0 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An | 46.200.000.000 | 23,1 | 46.200.000.000 | 23,1 |
| Ông Dương Công Ái | 33.800.000.000 | 16,9 | 33.800.000.000 | 16,9 |
| Các cổ đông khác | 62.000.000.000 | 31,0 | 62.000.000.000 | 31,0 |
| Cộng | 200.000.000.000 | 100,0 | 200.000.000.000 | 100,0 |

18c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) đã thông qua Nghị quyết số 212/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc chi trả cổ tức bằng 8% mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất *Ngoại tệ các loại*

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 4.045,31 | 4.329,69 |
| Euro (EUR) | 3.232,03 | 3.232,03 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 107.233.587.878 | 147.986.926.542 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 66.478.403.915 | 97.288.940.737 |
| Cộng | <u>173.711.991.793</u> | <u>245.275.867.279</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 98.018.528.756 | 152.672.067.090 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 45.335.460.338 | 63.568.871.751 |
| Cộng | <u>143.353.989.094</u> | <u>216.240.938.841</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi | 3.968.117.230 | 3.466.060.879 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 460.000.000 | 75.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.651.299 | 832.901.397 |
| Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư | - | 2.824.201.290 |
| Cộng | <u>4.432.768.529</u> | <u>7.198.163.566</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Lãi trả chậm | 856.892.326 | 1.080.547.892 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 30.400.882 | 7.915.845 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.210.038 | 2.704.978 |
| Cộng | <u>888.503.246</u> | <u>1.091.168.715</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.766.143.744 | 5.909.387.584 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 8.144.863 | 2.401.668 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 58.687.884 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 372.040.155 | 813.083.934 |
| Các chi phí khác | 2.395.068.000 | 3.034.912.695 |
| Cộng | <u>5.541.396.762</u> | <u>9.818.473.765</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 13.101.989.107 | 13.224.663.166 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.392.475.079 | 1.061.655.906 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.813.731.366 | 1.701.707.567 |
| Chi phí lợi thế thương mại phân bổ | 200.409.378 | 200.409.378 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (109.267.848) | 581.239.095 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.458.855.155 | 2.919.012.651 |
| Các chi phí khác | 4.833.902.885 | 4.107.890.640 |
| Cộng | <u>25.692.095.122</u> | <u>23.796.578.403</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 1.742.465.160 | - |
| Các khoản công nợ không phải trả | 200.000.000 | 203.525.307 |
| Nhận bồi thường phạt vi phạm hợp đồng | 30.893.426 | 3.012.836.657 |
| Các khoản thu nhập khác | 5.204.733 | 10.909.092 |
| Cộng | <u>1.978.563.319</u> | <u>3.227.271.056</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 126.624.085 | 1.629.057.212 |
| Các khoản truy thu và phạt thuế | 29.443.714 | 405.477.045 |
| Chi phí khác | 1.181.001 | 6.996.800 |
| Cộng | <u>157.248.800</u> | <u>2.041.531.057</u> |

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|--------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ | 481.172.965 | (272.587.598) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 481.172.965 | (272.587.598) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>24</u> | <u>(14)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí mua hàng hóa | 105.479.328.497 | 113.515.726.376 |
| Chi phí nhân công | 26.627.997.631 | 29.516.633.623 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.078.297.344 | 2.013.171.066 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28.367.427.539 | 17.082.561.432 |
| Chi phí khác | 12.652.821.928 | 8.095.047.913 |
| Cộng | 175.205.872.939 | 170.223.140.410 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.065.014.120 VND (năm trước là 602.894.120 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-------------------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | Cổ đông góp 29% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An | Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ |

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|-------------|---------------|
| Mua hàng hóa | - | 9.500.000 |
| Lãi trả chậm | 856.892.326 | 1.080.547.892 |
| Cần trừ công nợ | - | 84.190.000 |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.12a, V.12b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí tại Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|--|--------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 32.458.809.652 | - | 32.458.809.652 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 80.492.325.347 | - | 80.492.325.347 |
| Phải thu khách hàng | 32.826.484.286 | 78.773.613.883 | 111.600.098.169 |
| Các khoản phải thu khác | 1.357.784.962 | 1.646.068.395 | 3.003.853.357 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 |
| Cộng | 171.135.404.247 | 80.419.682.278 | 251.555.086.525 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|--|--------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.766.200.238 | - | 57.766.200.238 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 46.818.857.603 | - | 46.818.857.603 |
| Phải thu khách hàng | 43.486.196.126 | 93.356.178.642 | 136.842.374.768 |
| Các khoản phải thu khác | 1.219.735.781 | 1.646.068.395 | 2.865.804.176 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 |
| Cộng | 173.290.989.748 | 95.002.247.037 | 268.293.236.785 |

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 35.267.252.259 | 12.825.812.300 | 48.093.064.559 |
| Các khoản phải trả khác | 17.319.898.678 | - | 17.319.898.678 |
| Cộng | 52.587.150.937 | 12.825.812.300 | 65.412.963.237 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 55.735.658.024 | 17.390.330.100 | 73.125.988.124 |
| Các khoản phải trả khác | 15.357.422.593 | - | 15.357.422.593 |
| Cộng | 71.093.080.617 | 17.390.330.100 | 88.483.410.717 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.045,31 | 4.329,69 |
| Phải trả người bán | (5.618,06) | (5.618,06) |
| Tài sản thuần có gốc USD | <u>(1.572,75)</u> | <u>(1.288,37)</u> |

Tài sản thuần có gốc EUR của Tập đoàn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.232,03 | 3.232,03 |
| Tài sản thuần có gốc EUR | <u>3.232,03</u> | <u>3.232,03</u> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.157.248.477 | 13.854.695.677 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 32.592.325.347 | 37.518.857.603 |
| Cộng | <u>46.749.573.824</u> | <u>51.373.553.280</u> |

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 32.458.809.652 | - | 57.766.200.238 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 80.492.325.347 | - | 46.818.857.603 | - |
| Phải thu khách hàng | 111.600.098.169 | (4.310.671.277) | 136.842.374.768 | (12.192.995.192) |
| Các khoản phải thu khác | 3.003.853.357 | (1.646.068.395) | 2.865.804.176 | (1.646.068.395) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 | - |
| Cộng | 251.555.086.525 | (5.956.739.672) | 268.293.236.785 | (13.839.063.587) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:


| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 48.093.064.559 | 73.125.988.124 |
| Các khoản phải trả khác | 17.319.898.678 | 15.357.422.593 |
| Cộng | 65.412.963.237 | 88.483.410.717 |


Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.


5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023


Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 13 - 35 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Trần Đức Chính | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018 |
| Ông Đỗ Quang Thuận | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Hoài Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Võ Khánh Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Đoàn Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Huỳnh Minh Triết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Trần Mộng Thùy Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Việt Đức | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Bà Đỗ Thị Bích Hà | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Trần Mạnh Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0693/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 27.245.000.000 VND đã quá hạn (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 167.541.252.379 | 171.703.151.297 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 28.559.740.556 | 27.606.763.464 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.620.525.528 | 12.992.166.303 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 14.939.215.028 | 14.614.597.161 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 32.592.325.347 | 37.518.857.603 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 32.592.325.347 | 37.518.857.603 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 105.305.949.584 | 104.777.175.059 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 98.688.071.692 | 98.395.275.779 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 13.867.806.569 | 13.892.138.566 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 2.178.641.934 | 1.918.331.325 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (9.428.570.611) | (9.428.570.611) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.083.236.892 | 1.529.853.322 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.083.236.892 | 1.529.853.322 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 270.501.849 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 270.501.849 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 91.537.234.466 | 84.608.590.266 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 35.000.000 | 35.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 35.000.000 | 35.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 34.865.944.296 | 37.905.931.601 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 34.865.944.296 | 35.838.947.400 |
| - Nguyên giá | 222 | | 49.044.844.457 | 50.030.779.912 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (14.178.900.161) | (14.191.832.512) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | 2.066.984.201 |
| - Nguyên giá | 228 | | 154.472.660 | 2.334.472.660 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (154.472.660) | (267.488.459) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 55.960.000.000 | 45.960.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 21.960.000.000 | 21.960.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 10.000.000.000 | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 676.290.170 | 707.658.665 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 676.290.170 | 707.658.665 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 259.078.486.845 | 256.311.741.563 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 55.358.189.319 | 53.138.455.052 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 42.532.377.019 | 35.748.124.952 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11a, c | 27.264.869.056 | 20.955.177.924 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 6.067.502 | 1.839.991.147 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 548.458.362 | 416.445.730 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 228.399.050 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 4.521.648.824 | 3.054.541.279 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 9.894.762.888 | 9.413.797.535 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 68.171.337 | 68.171.337 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.11b, c | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 203.720.297.526 | 203.173.286.511 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 203.720.297.526 | 203.173.286.511 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.16a,b | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.16a | 35.005.342.627 | 35.005.342.627 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.16a | (31.285.045.101) | (31.832.056.116) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (31.832.056.116) | (31.832.056.116) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 547.011.015 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 259.078.486.845 | 256.311.741.563 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-------|-------------|----------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 99.073.718.637 | 126.751.369.101 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 1.044.393.018 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 98.029.325.619 | 126.751.369.101 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 88.063.308.535 | 117.055.700.219 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 9.966.017.084 | 9.695.668.882 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.319.246.410 | 7.938.947.563 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 888.503.246 | 1.091.168.715 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 5.017.791.006 | 8.111.037.688 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 9.373.263.147 | 9.566.203.195 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (994.293.905) | (1.133.793.153) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.978.562.819 | 3.216.361.964 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 148.583.049 | 1.840.612.124 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.829.979.770 | 1.375.749.840 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 835.685.865 | 241.956.687 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 288.674.850 | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 547.011.015 | 241.956.687 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | | |


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 835.685.865 | 241.956.687 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, 9 | 983.361.556 | 986.969.556 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (21.849.272) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 1.210.038 | 2.704.978 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, 8 | (6.057.060.271) | (7.106.046.166) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4.236.802.812) | (5.896.264.217) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (538.242.517) | 29.897.229.331 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 446.616.430 | (1.472.261.750) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.927.969.484 | (50.085.319.180) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 31.368.495 | 39.995.652 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (2.369.090.920) | (27.516.620.164) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 3.799.090.909 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (33.012.945.582) | (18.032.566.847) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 27.939.477.838 | 5.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 13.260.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 4.597.438.862 | 2.881.178.630 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 3.323.062.027 | 3.108.611.783 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (79.801.472) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>-</i> | <i>(79.801.472)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 953.971.107 | (24.487.809.853) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 27.606.763.464 | 52.104.341.981 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (994.015) | (9.768.664) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 28.559.740.556 | 27.606.763.464 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí với tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết đều là 51,85%. Công ty con này có trụ sở tại Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 42 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí và các kho xăng dầu chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí sửa chữa, bảo trì; chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì tầng 11 tòa nhà đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê (552 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất ở Cà Mau. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (549 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 46 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 04 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 296.999.522 | 254.205.022 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 13.323.526.006 | 12.737.961.281 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾ | 14.939.215.028 | 14.614.597.161 |
| Cộng | <u>28.559.740.556</u> | <u>27.606.763.464</u> |

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,65%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 14.157.248.477 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với lãi suất từ 4,65%/năm đến 9,5%/năm.

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để đảm bảo cho khoản vay vốn tại ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dài hạn

Trái phiếu mã HDBL2229013 do Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2029.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 21.960.000.000 | - | | 21.960.000.000 | - | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí | 21.960.000.000 | - | 26.791.200.000 | 21.960.000.000 | - | 18.666.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 24.000.000.000 | - | | 24.000.000.000 | - | |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 11.000.000.000 | - | | 11.000.000.000 | - | |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ | 10.000.000.000 | - | | 10.000.000.000 | - | |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung | 3.000.000.000 | - | | 3.000.000.000 | - | |
| Cộng | 45.960.000.000 | - | | 45.960.000.000 | - | |

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|----------------------------|---|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ | 5,50% | 5,50% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan | 2,00% | 2,00% |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung | Tỉnh Quảng Ngãi | Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan | 1,58% | 1,58% |

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con

Công ty có các giao dịch với Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------|----------------|------------------|
| Nhận cổ tức | 1.756.800.000 | 1.318.000.000 |
| Nhận tiền chi hộ | - | 30.062.937 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾ | 27.245.000.000 | 33.245.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam | 27.187.278.531 | 27.387.278.531 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM ⁽ⁱⁱ⁾ | 20.030.664.075 | 20.030.664.075 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | 20.030.129.740 | 14.191.211.600 |
| Liên doanh Việt Nga Vietsovetro | 931.644.488 | 931.644.488 |
| Các khách hàng khác | 3.263.354.858 | 2.609.477.085 |
| Cộng | 98.688.071.692 | 98.395.275.779 |

(i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

(ii) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM đã quá hạn. Theo Biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM và Công ty, khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được và sẽ trả lại hàng cho Công ty. Số hàng hóa này sẽ được trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech (là đơn vị cung cấp số hàng hóa này cho Công ty để bán cho Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM) (xem thuyết minh số V.11a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Hưng Yên | 7.773.056.067 | 7.773.056.067 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA | - | 818.099.728 |
| Công ty TNHH Năng lượng NMT | 3.963.413.344 | 3.963.413.344 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.131.337.158 | 1.337.569.427 |
| Cộng | 13.867.806.569 | 13.892.138.566 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (là bên liên quan) - phải thu cổ tức | 1.756.800.000 | - | 1.317.600.000 | - |
| Các khoản ký quỹ | 11.000.000 | - | 48.703.240 | - |
| Lãi dự thu | 269.184.334 | - | 552.028.085 | - |
| Phải thu khác | 141.657.600 | - | - | - |
| Cộng | 2.178.641.934 | - | 1.918.331.325 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

6. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Schlumberger Seaco Inc. | Trên 3 năm | 19.402.858 | - | Trên 3 năm | 19.402.858 | - |
| Swiber Offshore Construction Pte. Ltd. | Trên 3 năm | 101.541.625 | - | Trên 3 năm | 101.541.625 | - |
| DNTN Cà phê Minh Tiến | Trên 3 năm | 562.006.000 | - | Trên 3 năm | 562.006.000 | - |
| Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam | Trên 3 năm | 52.395.750 | - | Trên 3 năm | 52.395.750 | - |
| Công ty TNHH Hưng Yên | Trên 3 năm | 7.773.056.067 | - | Trên 3 năm | 7.773.056.067 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Liên doanh Việt Nga Vietsoyptero | Trên 3 năm | 920.168.311 | - | Trên 3 năm | 920.168.311 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.818.189.635 | 1.818.189.635 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 453.411.766 | 453.411.766 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 25.369.088.896 | 25.369.088.896 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.818.189.635 | 1.818.189.635 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 20.030.664.075 | 20.030.664.075 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 25.569.088.896 | 25.569.088.896 |
| Cộng | | 83.891.513.217 | 74.462.942.606 | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 90.544.924.983 | 81.116.354.372 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 9.428.570.611 | 9.450.419.883 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (21.849.272) |
| Số cuối năm | 9.428.570.611 | 9.428.570.611 |

7. Hàng tồn kho

Chi phí dở dang của các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 46.553.733.671 | 1.692.280.910 | 1.728.850.583 | 55.914.748 | 50.030.779.912 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (985.935.455) | - | - | (985.935.455) |
| Số cuối năm | 46.553.733.671 | 706.345.455 | 1.728.850.583 | 55.914.748 | 49.044.844.457 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.795.591.151 | 706.345.455 | 1.728.850.583 | 55.914.748 | 4.286.701.937 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 10.714.786.271 | 1.692.280.910 | 1.728.850.583 | 55.914.748 | 14.191.832.512 |
| Khấu hao trong năm | 973.003.104 | - | - | - | 973.003.104 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (985.935.455) | - | - | (985.935.455) |
| Số cuối năm | 11.687.789.375 | 706.345.455 | 1.728.850.583 | 55.914.748 | 14.178.900.161 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 35.838.947.400 | - | - | - | 35.838.947.400 |
| Số cuối năm | 34.865.944.296 | - | - | - | 34.865.944.296 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 2.180.000.000 | 154.472.660 | 2.334.472.660 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.180.000.000) | - | (2.180.000.000) |
| Số cuối năm | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 113.015.799 | 154.472.660 | 267.488.459 |
| Khấu hao trong năm | 10.358.452 | - | 10.358.452 |
| Thanh lý, nhượng bán | (123.374.251) | - | (123.374.251) |
| Số cuối năm | - | 154.472.660 | 154.472.660 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.066.984.201 | - | 2.066.984.201 |
| Số cuối năm | - | - | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền thuê đất trả trước | 57.242.809 | 58.707.745 |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 613.883.723 | 633.740.927 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 5.163.638 | 15.209.993 |
| Cộng | 676.290.170 | 707.658.665 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech ⁽ⁱ⁾ | 12.918.944.736 | 12.918.944.736 |
| Các nhà cung cấp khác | 8.549.147.620 | 4.171.715.388 |
| Cộng | <u>27.264.869.056</u> | <u>20.955.177.924</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được sẽ trả lại hàng cho Công ty (xem thuyết minh số V.3). Theo đó, sau khi việc trả hàng được hoàn tất Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech còn cam kết trả lại số tiền 6.730.225.569 VND mà Công ty đã ứng cùng số tiền 219.045.445 VND mà Công ty đã thanh toán thừa cho các hợp đồng này.

11b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 12.825.812.300 | 17.390.330.100 |
| Cộng | 18.622.589.000 | 21.254.847.900 |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng | 5.796.776.700 | 3.864.517.800 |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>12.825.812.300</u> | <u>17.390.330.100</u> |

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước tiền mua hàng hóa của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 1.030.701.911 | (891.720.261) | 138.981.650 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 729.147.048 | (729.147.048) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 288.674.850 | - | 288.674.850 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 416.445.730 | 270.352.868 | (565.996.736) | 120.801.862 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 748.800 | (748.800) | - |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 416.445.730 | 2.322.625.477 | (2.190.612.845) | 548.458.362 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | | |
|--------------------------------|---|-----|
| - Dịch vụ cước vận tải quốc tế | : | 0% |
| - Bán hàng hóa và dịch vụ khác | : | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 835.685.865 | 241.956.687 |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (chi phí bị loại) | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 647.567.511 | 799.569.464 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (14.001.149) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 1.469.252.227 | 1.041.526.151 |
| Thu nhập được miễn thuế | (2.216.800.000) | (1.393.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | (747.547.773) | (351.473.849) |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính | (2.190.922.024) | (351.473.849) |
| Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 1.443.374.251 | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tính cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm | 288.674.850 | - |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 288.674.850 | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty có khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế của các năm như sau:

| | |
|-------------|-----------------------|
| Năm 2018 | 31.233.835.946 |
| Năm 2020 | 1.830.306.120 |
| Năm 2021 | 351.473.849 |
| Năm 2022 | 2.190.922.024 |
| Cộng | 35.606.537.939 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10 | 379.836.480 | 379.836.480 |
| Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019) | 1.546.894.800 | 1.546.894.800 |
| Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2019) | 613.300.639 | 613.300.639 |
| Dự án Nghi Sơn | 1.653.506.905 | 186.399.360 |
| Chi phí phải trả khác | 328.110.000 | 328.110.000 |
| Cộng | 4.521.648.824 | 3.054.541.279 |

15. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm | 4.512.383.605 | 3.655.491.279 |
| Cổ tức phải trả | 4.812.381.250 | 4.918.347.978 |
| Kinh phí công đoàn | 44.681.784 | 85.803.710 |
| Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa | 450.000.000 | 650.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 75.316.249 | 104.154.568 |
| Cộng | 9.894.762.888 | 9.413.797.535 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 35.005.342.627 | (32.074.012.803) | 202.931.329.824 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 241.956.687 | 241.956.687 |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 35.005.342.627 | (31.832.056.116) | 203.173.286.511 |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 35.005.342.627 | (31.832.056.116) | 203.173.286.511 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 547.011.015 | 547.011.015 |
| Số dư cuối năm nay | 200.000.000.000 | 35.005.342.627 | (31.285.045.101) | 203.720.297.526 |

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | 58.000.000.000 | 29,0 | 58.000.000.000 | 29,0 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An | 46.200.000.000 | 23,1 | 46.200.000.000 | 23,1 |
| Ông Dương Công Ái | 33.800.000.000 | 16,9 | 33.800.000.000 | 16,9 |
| Các cổ đông khác | 62.000.000.000 | 31,0 | 62.000.000.000 | 31,0 |
| Cộng | 200.000.000.000 | 100,0 | 200.000.000.000 | 100,0 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 4.045,31 | 4.329,69 |
| Euro (EUR) | 3.232,03 | 3.232,03 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 96.957.759.923 | 108.286.010.166 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.115.958.714 | 18.465.358.935 |
| Cộng | <u>99.073.718.637</u> | <u>126.751.369.101</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 88.063.308.535 | 103.705.235.372 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | 13.350.464.847 |
| Cộng | <u>88.063.308.535</u> | <u>117.055.700.219</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 2.097.795.111 | 1.979.733.966 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.216.800.000 | 1.393.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.651.299 | 832.901.397 |
| Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư | - | 3.733.312.200 |
| Cộng | <u>4.319.246.410</u> | <u>7.938.947.563</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| 5. Chi phí tài chính | | |
| Lãi trả chậm | 856.892.326 | 1.080.547.892 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 30.400.882 | 7.915.845 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.210.038 | 2.704.978 |
| Cộng | 888.503.246 | 1.091.168.715 |
| 6. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí cho nhân viên | 2.766.143.744 | 4.746.131.209 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.801.247 | 2.401.668 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 372.040.155 | 663.895.057 |
| Các chi phí khác | 1.877.805.860 | 2.698.609.754 |
| Cộng | 5.017.791.006 | 8.111.037.688 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí cho nhân viên | 3.852.050.449 | 4.596.437.820 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 34.625.312 | 39.156.321 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 983.361.556 | 986.969.556 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | - | (21.849.272) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.856.114.078 | 1.682.336.936 |
| Các chi phí khác | 2.647.111.752 | 2.283.151.834 |
| Cộng | 9.373.263.147 | 9.566.203.195 |
| 8. Thu nhập khác | | |
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 1.742.465.160 | - |
| Nhận bồi thường phạt vi phạm hợp đồng | 30.893.426 | 3.012.836.657 |
| Các khoản công nợ không phải trả | 200.000.000 | 203.525.307 |
| Các khoản thu nhập khác | 5.204.233 | - |
| Cộng | 1.978.562.819 | 3.216.361.964 |
| 9. Chi phí khác | | |
| Các khoản truy thu và phạt thuế | 21.958.964 | 211.554.912 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 126.624.085 | 1.629.057.212 |
| Cộng | 148.583.049 | 1.840.612.124 |
| 10. Lãi trên cổ phiếu | | |
| Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. | | |
| 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí mua hàng hóa | 88.546.351.524 | 112.493.226.791 |
| Chi phí nhân công | 6.618.194.193 | 9.342.569.029 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 983.361.556 | 986.969.556 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.228.154.233 | 15.696.696.840 |
| Chi phí khác | 4.524.917.612 | 4.959.912.316 |
| Cộng | 102.900.979.118 | 143.479.374.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.065.014.120 VND (năm trước là 602.894.120 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|-------------------------------|
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | Cổ đông góp 29% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An | Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí | Công ty con |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|----------------|------------------|
| Mua hàng hóa | - | 9.500.000 |
| Lãi trả chậm | 856.892.326 | 1.080.547.892 |
| Cần trừ công nợ | - | 84.190.000 |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.11a, V.11b và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí tại Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|--|--------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.559.740.556 | - | 28.559.740.556 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 42.592.325.347 | - | 42.592.325.347 |
| Phải thu khách hàng | 22.569.614.542 | 76.118.457.150 | 98.688.071.692 |
| Các khoản phải thu khác | 2.167.641.934 | - | 2.167.641.934 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 34.000.000.000 | - | 34.000.000.000 |
| Cộng | 129.889.322.379 | 76.118.457.150 | 206.007.779.529 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.606.763.464 | - | 27.606.763.464 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 37.518.857.603 | - | 37.518.857.603 |
| Phải thu khách hàng | 7.850.350.796 | 90.544.924.983 | 98.395.275.779 |
| Các khoản phải thu khác | 1.869.628.085 | - | 1.869.628.085 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 |
| Cộng | 98.845.599.948 | 90.544.924.983 | 189.390.524.931 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 27.264.869.056 | 12.825.812.300 | 40.090.681.356 |
| Các khoản phải trả khác | 14.296.413.679 | - | 14.296.413.679 |
| Cộng | 41.561.282.735 | 12.825.812.300 | 54.387.095.035 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 20.955.177.924 | 17.390.330.100 | 38.345.508.024 |
| Các khoản phải trả khác | 12.278.380.536 | - | 12.278.380.536 |
| Cộng | 33.233.558.460 | 17.390.330.100 | 50.623.888.560 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.045,31 | 4.329,69 |
| Phải trả người bán | (5.618,06) | (5.618,06) |
| Tài sản thuần có gốc USD | (1.572,75) | (1.288,37) |

Tài sản thuần có gốc EUR của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.232,03 | 3.232,03 |
| Tài sản thuần có gốc EUR | 3.232,03 | 3.232,03 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.157.248.477 | 13.854.695.677 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 32.592.325.347 | 37.518.857.603 |
| Cộng | 46.749.573.824 | 51.373.553.280 |

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.559.740.556 | - | 27.606.763.464 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 42.592.325.347 | - | 37.518.857.603 | - |
| Phải thu khách hàng | 98.688.071.692 | (1.655.514.544) | 98.395.275.779 | (9.428.570.611) |
| Các khoản phải thu khác | 2.167.641.934 | - | 1.869.628.085 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 34.000.000.000 | - | 24.000.000.000 | - |
| Cộng | 206.007.779.529 | (1.655.514.544) | 189.390.524.931 | (9.428.570.611) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 40.090.681.356 | 38.345.508.024 |
| Các khoản phải trả khác | 14.296.413.679 | 12.278.380.536 |
| Cộng | 54.387.095.035 | 50.623.888.560 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phạm Thị Hồng Yên
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

149815 - C.T.N.H.H
CÔNG TY
HẠN HỮU HẠN
DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN
& C
- T.P HỒ CHÍ MINH